TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Võ Thanh Hải.

2. Bà Võ Thị Vân Khánh.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Trần Quốc Huỳnh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú hiện nay: số 231/57/16, B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hoài T, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

Người giám hộ của anh Nguyễn Hoài T: bà Phạm Thị T1, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Hoài T quen biết, tìm hiểu nhau và quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến cuối năm 2013, chị N đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, giao 02 con chung cho anh T và mẹ chồng nuôi dưỡng. Kể từ năm 2013 đến nay, chị N và anh T sống ly thân, con chung tiếp tục sống với anh T và mẹ của anh T tại ấp Đ, xã K, huyện T cho đến nay. Hiện nay, theo chị N được biết anh T đã bị bệnh tâm thần đang trị bệnh tại tỉnh Tiền Giang và được Tòa án tuyên bố là mất năng lực hành vi dân sự. Nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Chị thống nhất bà Phạm Thị T1, mẹ của anh T là đại diện hợp pháp cho anh T, chị không có ý kiến nào khác.

Về con chung: chị N xác định quá trình chung sống, chị N và anh T có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Hoàn B, sinh ngày 26/07/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09/07/2013. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N xác định chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Hoài T trình bày:*

Bà Phạm Thị T1 là mẹ của anh Nguyễn Hoài T. Trước đây, bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự và Tòa án đã ban hành quyết định tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Thanh N là vợ của anh T làm đơn xin ly hôn với anh T, bà T1 thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị N vì thực tế chị N cũng không còn sống chung với anh T và anh T hiện nay cũng không còn biết gì vì đã bị mất năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có 02 người con chung là Nguyễn Hoàn B, sinh ngày 26/07/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09/07/2013. Cháu B và cháu A từ trước đến nay do bà T1 hỗ trợ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và vẫn đảm bảo đầy đủ quyền lợi mọi mặt cho các cháu. Khi chị N với anh T ly hôn, bà T1 đồng ý sẽ tiếp tục thay anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàn B, Nguyễn Bảo A và cam kết đảm bảo quyền lợi của hai cháu. Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị N và anh T cũng không có tài sản chung, nợ chung nên bà T1 cũng không đề cập yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: chị N và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Hiện nay anh T đã bị mất năng lực hành vi dân sự, người đại diện theo pháp luật của anh T cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: chị N và anh T có 02 con chung chưa thành niên và do bà Phạm Thị T1, là mẹ của anh T thay mặt anh T nuôi dưỡng. Chị N đã thống nhất giao cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng nên đề nghị tiếp tục giao các cháu cho bà T1 thay mặt anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Hoài T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sựBị đơn hiện cư trú tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: chị Nguyễn Thị Thanh N là nguyên đơn trong vụ án, bà Phạm Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau khoảng năm 2010, có 02 (hai) con chung, đến ngày 10/9/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K số đăng ký 61/2023, Quyển số 01/2013 nên hôn nhân giữa chị N với anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh T chung sống với nhau đến cuối năm 2013 thì chị N đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị N và anh T sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Ngày 11/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã ban hành Quyết định số 03/2024/QĐST-VDS tuyên bố anh Nguyễn Hoài T bị mất năng lực hành vi dân sự. Anh T có vợ là nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh N, có 02 người con là cháu Nguyễn Hoàn B, sinh ngày 26/07/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09/07/2013, 02 cháu hiện chưa thành niên.

Căn cứ Khoản 3 Điều 24 Luật hôn nhân và gia đìnhđịnh: *"...Trong trường hợp một bên vợ, chồng mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì căn cứ vào quy định về giám hộ trong Bộ luật dân sự, Tòa án chỉ định người khác đại diện cho người bị mất năng lực hành vi dân sự để giải quyết việc ly hôn".* Tại Khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự quy định*: "Trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự chưa có vợ, chồng, con, hoặc có vợ, chồng, con mà vợ, chồng, con đều không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì cha, mẹ là người giám hộ."* Do đó, có căn cứ xác định người giám hộ của anh T trong vụ án tranh chấp ly hôn này là cha, mẹ của anh T. Cha của anh T là ông Nguyễn Văn Đ đã chết nên bà Phạm Thị T1 là mẹ của anh T là người đại diện hợp pháp cho anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T1 xác định thống nhất với ý kiến của chị N về việc chị N và anh T có kết hôn với nhau và đã không còn chung sống với nhau. Nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T thì bà T1 cũng thống nhất. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: chị N và bà T1 là người đại diện hợp pháp của anh T thống nhất xác định quá trình chung sống chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàn B, sinh ngày 26/07/2011 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09/07/2013. Khi chị N và anh T không chung sống với nhau, các con chung của chị N và anh T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi anh T bị bệnh tâm thần thì bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Chị N xin ly không có tranh chấp nuôi con. Chị N đồng ý giao các con chung của chị và anh T cho bà T1 thay anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Các cháu Nguyễn Hoàn B và Nguyễn Bảo A trên 07 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, các cháu có văn bản nêu nguyện vọng tiếp tục sống với bà nội là bà Phạm Thị T1 khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung của chị N và anh T cho bà T1, là người đại diện hợp pháp cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về tài sản chung: chị N và bà T1 là người đại diện hợp pháp của anh T thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ các phân tích trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sựKhoản 3 Điều 24, Điều 51, Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh N. Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Hoài T.

2. Về con chung: Giao các con chung của chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Hoài T là cháu Nguyễn Hoàn B, sinh ngày 26/07/2011 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 09/07/2013 cho bà Phạm Thị T1, là người đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003009 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã Kiến Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh